

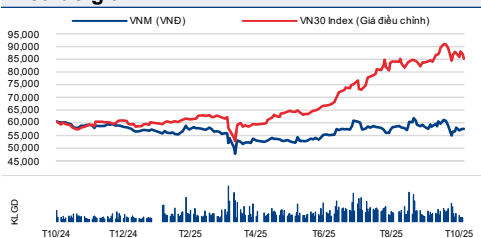
Năm giữ

Giá mục tiêu: VNĐ64,300
Tiềm năng tăng/giảm: 11.6%

Giá cổ phiếu (đồng) (31/10/2025)	57,600
Mã Bloomberg	VNM VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	47,972-62,184
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	57,320
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	120,381
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	4,575
Slg CP lưu hành (tr.đv)	2,090
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	2,090
Slg CP NN được mua (tr.đv)	1,049
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	100%
Tỷ lệ sở hữu của NN	50.2%
Tỷ lệ freefloat	33.0%
Cổ đông lớn	SCIC (36.0%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	61,783	62,421	65,391
EBITDA đc (tỷ đồng)	12,500	12,304	13,130
LNTT (tỷ đồng)	11,600	11,284	11,946
LNT ĐC (tỷ đồng)	9,392	9,084	9,600
FCF (tỷ đồng)	7,944	7,509	6,931
EPS ĐC (đồng)	4,024	3,893	4,114
DPS (đồng)	4,350	4,350	4,350
BVPS (đồng)	15,445	15,459	15,703
T.trưởng EBITDA (%)	3.55	(1.57)	6.71
T.trưởng EPS ĐC (%)	5.98	(3.27)	5.68
Tăng trưởng DPS (%)	13.0	0	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	20.2	19.7	20.1
Tỷ suất LNTTT (%)	18.8	18.1	18.3
Tỷ suất LNT ĐC (%)	15.2	14.6	14.7
Tỷ lệ LN trả CT (%)	108	112	106
Nợ thuần/VCSH (%)	22.4	19.4	17.8
ROAE (%)	29.4	28.1	29.5
ROACE (%)	28.9	27.6	29.4
EV/doanh thu (lần)	2.06	2.03	1.93
EV/EBITDA ĐC (lần)	10.2	10.3	9.60
P/E ĐC (lần)	14.3	14.8	14.0
P/B (lần)	3.73	3.73	3.67
Lợi suất cổ tức (%)	7.55	7.55	7.55

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

VNM là công ty sữa lớn nhất Việt Nam. Sản phẩm chính của công ty bao gồm sữa nước, sữa bột, sữa chua, sữa đặc và các sản phẩm khác.

Chuyên viên phân tích

Trần Hương Mỹ

Giám Đốc, Ngành Hàng Tiêu Dùng
my.th@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 362

Huỳnh Phương Bảo Khánh

Chuyên viên, Ngành Hàng Tiêu Dùng
khanh.hpb@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 369

Q3/2025: Lợi nhuận tăng 5% so với cùng kỳ; sát với dự báo

- Lợi nhuận thuần của VNM tăng 5,1% so với cùng kỳ đạt 2.527 tỷ đồng trên doanh thu thuần 16.953 tỷ đồng (tăng 9,1% so với cùng kỳ), đều sát với dự báo của HSC nhờ KQKD cải thiện ở cả thị trường trong nước và nước ngoài.
- Doanh thu trong nước tăng 4,4% so với cùng kỳ đạt 13.494 tỷ đồng, được hỗ trợ bởi hệ thống quản lý đơn hàng tự động, những đổi mới trong sản phẩm, các chiến dịch marketing và KQKD tích cực hơn tại chuỗi cửa hàng Vinamilk cũng như trên các kênh thương mại điện tử. Thị trường nước ngoài vượt mạnh dự báo với doanh thu xuất khẩu tăng 46,9% đạt 2.019 tỷ đồng và doanh thu từ các công ty con ở nước ngoài tăng 16,6% đạt 1.440 tỷ đồng.
- VNM đang giao dịch ở mức P/E dự phóng 12 tháng tới là 14,1 lần, thấp hơn 1,6 độ lệch chuẩn so với bình quân từ tháng 9/2022 ở mức 16,1 lần. HSC đang xem xét lại giá mục tiêu và khuyến nghị.

Sự kiện: Đánh giá KQKD Q3/2025

KQKD Q3/2025 của VNM nhìn chung đúng với kỳ vọng của HSC. Lợi nhuận thuần tăng nhẹ 5,1% so với cùng kỳ đạt 2.527 tỷ đồng, trên doanh thu thuần 16.963 tỷ đồng (tăng 9,1% so với cùng kỳ). Lợi nhuận thuần của VNM sát với ước tính của HSC ở mức 2.563 tỷ đồng, trong khi doanh thu thuần chỉ vượt dự báo của chúng tôi 1,8%. So với quý trước, doanh thu thuần và lợi nhuận thuần tăng khiêm tốn 1,4% và 1,2%.

Đáng lưu ý, VNM ghi nhận lỗ không thường xuyên 194 tỷ đồng liên quan đến khoản lỗ tại một công ty liên kết; nếu loại trừ yếu tố này - vốn khá hiếm xảy ra đối với VNM - chúng tôi ước tính lợi nhuận thuần HĐKD cốt lõi đạt 2.682 tỷ đồng, tăng 11,6% so với cùng kỳ.

Tính chung 9 tháng đầu năm 2025, doanh thu thuần gần như đi ngang so với cùng kỳ ở mức 46.612 tỷ đồng, đạt 74,7% dự báo cho cả năm 2025 của HSC, trong khi lợi nhuận thuần giảm 9,6% so với cùng kỳ xuống 6.570 tỷ đồng (do khoản trích lập dự phòng bất ngờ) và lợi nhuận thuần HĐKD cốt lõi đạt 6.725 tỷ đồng, bằng 74% dự báo cho cả năm 2025 của HSC.

Doanh thu trong nước tăng 4,4% so với cùng kỳ đạt 13,5 nghìn tỷ đồng, hơi thấp hơn dự báo

Doanh thu trong nước đạt 13.494 tỷ đồng, tăng 4,4% so với cùng kỳ và đóng góp 80% tổng doanh thu trong quý (Q3/2024: 83%), so với ước tính của HSC

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 3/11.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Tóm tắt KQKD Q3/2025 & 9 tháng đầu năm 2025, VNM

Tỷ đồng	Q3/25	So với cùng kỳ	So với quý trước	9T25	So với cùng kỳ	2025 HSCF	% 2025 HSCF
Doanh thu thuần	16,953	9.1%	1.4%	46,612	0.7%	62,421	74.7%
Giá vốn hàng bán	-9,866	8.0%	1.7%	-27,293	1.4%	-36,278	75.2%
Lợi nhuận gộp	7,087	10.7%	0.9%	19,319	-0.3%	26,143	73.9%
Lợi nhuận tài chính	304	-8.5%	14.1%	896	-1%	1,045	85.7%
Chi phí BH&QL	-4,040	7.5%	-3.2%	-11,813	4.7%	-16,039	73.7%
Lợi nhuận thuần	2,527	5.1%	2.1%	6,570	-9.6%	9,084	72.3%
Lợi nhuận thuần HĐKD cốt lõi	2,682	11.6%	8.4%	6,725	-7.5%	9,084	74.0%
Tỷ suất lợi nhuận gộp	41.8%			41.4%		41.9%	
Chi phí BH&QL / doanh thu	-23.8%			-25.3%		-25.7%	
Tỷ suất lợi nhuận thuần	14.9%			14.1%		14.6%	

Nguồn: VNM, HSC

ở mức 13.833 tỷ đồng. Cụ thể:

- Doanh thu trong nước của công ty mẹ – chiếm 91% tổng doanh thu trong nước trong quý – tăng 5,3% so với cùng kỳ đạt 12.227 tỷ đồng.
- Doanh thu sữa Mộc Châu giảm 3,2% so với cùng kỳ (và 11,2% so với quý trước) xuống 716 tỷ đồng.

Doanh thu trong nước khác giảm 5,4% so với cùng kỳ nhưng tăng 8,7% so với quý trước đạt 551 tỷ đồng.

KQKD này được hỗ trợ bởi việc phát triển hệ thống quản lý đơn hàng tự động nội bộ, ra mắt các sản phẩm mới (sữa đậu nành mè đen, sữa yến mạch, trà Kombucha), làm mới bao bì sữa bột cho người lớn, tăng trưởng mạnh ở kênh thương mại điện tử và chuỗi cửa hàng Vinamilk, cùng các chiến dịch marketing hiệu quả hơn.

HSC đánh giá đây là những kết quả tích cực sau quá trình tái cấu trúc hệ thống bán hàng và kênh phân phối của VNM từ Q1/2025, cùng với sự phục hồi nhẹ của nhu cầu tiêu dùng sữa trong nước.

Thị trường nước ngoài tăng 32,6% so với cùng kỳ, vượt mạnh dự báo

Doanh thu hợp nhất từ thị trường nước ngoài đạt 3.459 tỷ đồng, tăng 32,6% so với cùng kỳ (và 18,3% so với quý trước), đóng góp 20% tổng doanh thu trong kỳ (Q3/2024: 17%), vượt mạnh dự báo của HSC ở mức 2.815 tỷ đồng.

Trong đó, doanh thu xuất khẩu tăng mạnh 46,9% so với cùng kỳ đạt 2.019 tỷ đồng, nhờ tăng trưởng mạnh tại các thị trường trọng điểm ở châu Phi và châu Á, đặc biệt là Campuchia. Nhu cầu đối với các sản phẩm sữa tại Campuchia đã tăng lên sau khi một số thương hiệu Thái Lan rút khỏi thị trường, tạo điều kiện để VNM tận dụng cơ hội này bằng cách đẩy mạnh xuất khẩu từ Việt Nam và tăng doanh thu tại công ty con tại Campuchia là Angkor Milk.

Các công ty con ở nước ngoài, bao gồm Angkor Milk và Driftwood tại Mỹ, cũng ghi nhận tăng trưởng mạnh, với doanh thu tăng 16,6% so với cùng kỳ (và 17,7% so với quý trước) đạt 1.440 tỷ đồng. Đây là sự đảo chiều rõ rệt so với mức giảm 6,5% so với cùng kỳ trong 6 tháng đầu năm 2025, nhờ doanh thu cải thiện tại Angkor Milk.

Tỷ suất EBIT tăng thêm 100 điểm cơ bản

Tỷ suất lợi nhuận gộp tăng lên mức 41,8% từ 41,2% trong Q3/2024, được hỗ trợ bởi hiệu ứng đòn bẩy hoạt động khi doanh thu tăng đã giúp phân bổ chi phí cố định sản xuất tốt hơn. Đồng thời, hiệu quả hoạt động cũng được cải thiện, với tỷ lệ chi phí bán hàng & quản lý/doanh thu giảm xuống mức 23,8% trong Q3/2025 từ 24,2% trong Q3/2024 và 26,2% trong 6 tháng đầu năm 2025, chủ yếu nhờ tối ưu hóa chi phí cho các hoạt động khuyến mãi, trưng bày sản phẩm, giới thiệu sản phẩm và hỗ trợ bán hàng.

Theo đó, tỷ suất EBIT tăng thêm 100 điểm cơ bản lên mức 18% trong Q3/2025 từ 17% trong Q3/2024 và EBIT tăng 15,3% đạt 3.048 tỷ đồng trong Q3/2025.

Xem xét lại dự báo, giá mục tiêu và khuyến nghị

Sau khi giá cổ phiếu giảm 2% trong 3 tháng qua và kém tích cực hơn VN Index, VNM đang giao dịch ở mức P/E dự phóng 12 tháng tới là 14,1 lần, thấp hơn 1,6 độ lệch chuẩn so với bình quân từ tháng 9/2022 ở mức 16,1 lần. HSC đang xem xét lại dự báo, giá mục tiêu và khuyến nghị.

Bảng 2: Cơ cấu doanh thu thuần, VNM

Tỷ đồng	Q3/25	So với cùng kỳ	So với quý trước	Q3/25F	Thực tế / HSCF	9T25	So với cùng kỳ	2025 HSCF	% 2025 HSCF
Trong nước	13,494	4.4%	-0.9%	13,833	97.5%	37,118	-2.2%	50,739	73%
Xuất khẩu	2,019	46.9%	7.0%	1,581	127.7%	5,526	25.3%	6,543	84%
Các công ty con ở nước ngoài	1,440	16.6%	17.7%	1,234	116.6%	3,967	0.8%	5,139	77%
Tổng doanh thu thuần	16,953	9.1%	1.4%	16,649	101.8%	46,612	0.7%	62,421	75%

Nguồn: VNM, HSC ước tính

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	60,369	61,783	62,421	65,391	68,443
Lợi nhuận gộp	24,545	25,590	26,143	27,564	29,086
Chi phí BH&QL	(14,774)	(15,186)	(16,039)	(16,703)	(17,467)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	9,771	10,405	10,104	10,861	11,619
Lãi vay thuần	1,186	1,111	1,059	991	932
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	(80.6)	32.0	39.9	39.9	39.9
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	91.9	52.5	81.8	53.6	53.6
LN TT	10,968	11,600	11,284	11,946	12,645
Chi phí thuế TNDN	(1,949)	(2,147)	(2,140)	(2,281)	(2,447)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(146)	(60.6)	(60.6)	(64.5)	(135)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	8,874	9,392	9,084	9,600	10,063
Lợi nhuận thuần ĐC	8,874	9,392	9,084	9,600	10,063
EBITDA ĐC	12,071	12,500	12,304	13,130	14,055
EPS (đồng)	3,796	4,023	3,892	4,113	4,311
EPS ĐC (đồng)	3,796	4,024	3,893	4,114	4,312
DPS (đồng)	3,850	4,350	4,350	4,350	4,350
Slg CP bình quân (triệu đv)	2,090	2,090	2,090	2,090	2,090
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	2,090	2,090	2,090	2,090	2,090
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	2,090	2,090	2,090	2,090	2,090

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	2,912	2,226	3,706	4,039	5,416
Đầu tư ngắn hạn	20,137	23,260	22,260	21,260	20,260
Phải thu khách hàng	4,808	4,793	4,843	5,073	5,310
Hàng tồn kho	6,128	5,687	7,219	7,528	7,834
Các tài sản ngắn hạn khác	1,950	1,588	1,600	1,674	1,750
Tổng tài sản ngắn hạn	35,936	37,554	39,628	39,574	40,570
TSCĐ hữu hình	11,689	11,520	11,176	10,475	11,384
TSCĐ vô hình	1,001	1,030	960	890	820
Bất động sản đầu tư	55.6	53.6	51.2	48.7	46.2
Đầu tư dài hạn	229	751	751	751	751
Đầu tư vào Cty LD,LK	603	622	622	622	622
Tài sản dài hạn khác	3,161	3,518	2,856	4,261	3,910
Tổng tài sản dài hạn	16,737	17,495	16,417	17,047	17,534
Tổng cộng tài sản	52,673	55,049	56,044	56,622	58,104
Nợ ngắn hạn	8,218	9,115	9,637	9,637	9,637
Phải trả người bán	3,806	3,874	4,268	4,203	4,373
Nợ ngắn hạn khác	3,982	4,264	4,273	4,426	4,577
Tổng nợ ngắn hạn	17,139	18,460	19,387	19,402	19,789
Nợ dài hạn	238	158	152	152	152
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	269	256	244	232	220
Nợ dài hạn khác	1.06	0.72	0.72	0.72	0.72
Tổng nợ dài hạn	509	415	397	385	373
Tổng nợ phải trả	17,648	18,875	19,784	19,787	20,162
Vốn chủ sở hữu	31,697	32,279	32,304	32,813	33,786
Lợi ích cổ đông thiểu số	3,329	3,896	3,956	4,021	4,156
Tổng vốn chủ sở hữu	35,026	36,174	36,260	36,834	37,942
Tổng nợ phải trả và VCSH	52,673	55,049	56,044	56,622	58,104
BVPS (đ)	15,166	15,445	15,459	15,703	16,168
Nợ thuần*/(tiền mặt)	5,544	7,047	6,082	5,750	4,372

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	9,771	10,405	10,104	10,861	11,619
Khấu hao	(2,300)	(2,095)	(2,200)	(2,269)	(2,436)
Lãi vay thuần	1,186	1,111	1,059	991	932
Thuế TNDN đã nộp	(1,564)	(2,128)	(2,109)	(2,281)	(2,447)
Thay đổi vốn lưu động	(1,702)	182	(1,199)	(612)	(244)
Khác	(2,103)	(1,979)	(1,165)	(1,139)	(1,082)
LCT thuần từ HĐKD	7,887	9,686	8,890	10,089	11,214
Đầu tư TS dài hạn	(1,580)	(1,742)	(1,381)	(3,159)	(3,181)
Góp vốn & đầu tư	(2,892)	(3,620)	1,000	1,000	1,000
Thanh lý	115	149	0	0	0
Khác	1,368	1,473	1,546	1,491	1,435
LCT thuần từ HĐĐT	(2,989)	(3,739)	1,165	(667)	(746)
Cổ tức trả cho CSH	(8,152)	(8,160)	(9,090)	(9,090)	(9,090)
Thu từ phát hành CP	347	722	0	0	0
Tăng/giảm nợ	3,512	796	516	0	0
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(4,293)	(6,641)	(8,574)	(9,090)	(9,090)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	2,300	2,912	2,226	3,706	4,039
LCT thuần trong kỳ	606	(694)	1,481	332	1,378
Ảnh hưởng của tỷ giá	5.98	8.33	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	2,912	2,226	3,706	4,039	5,416
Dòng tiền tự do	6,308	7,944	7,509	6,931	8,033

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	40.7	41.4	41.9	42.2	42.5
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	20.0	20.2	19.7	20.1	20.5
Tỷ suất LNT (%)	14.7	15.2	14.6	14.7	14.7
Thuế TNDN hiện hành (%)	17.8	18.5	19.0	19.1	19.3
Tăng trưởng doanh thu (%)	0.69	2.34	1.03	4.76	4.67
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	1.88	3.55	(1.57)	6.71	7.04
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	4.20	5.84	(3.28)	5.68	4.82
Tăng trưởng EPS (%)	4.52	5.98	(3.27)	5.68	4.82
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	4.52	6.02	(3.27)	5.68	4.82
Tăng trưởng DPS (%)	0	13.0	0	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	101	108	112	106	101
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	28.8	29.4	28.1	29.5	30.2
ROACE (%)	28.4	28.9	27.6	29.4	30.8
Vòng quay tài sản (lần)	1.19	1.15	1.12	1.16	1.19
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	0.81	0.93	0.88	0.93	0.97
Số ngày tồn kho	62.4	57.4	72.6	72.6	72.7
Số ngày phải thu	49.0	48.3	48.7	49.0	49.2
Số ngày phải trả	38.8	39.1	42.9	40.6	40.6
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	18.0	22.4	19.4	17.8	13.2
Nợ/tài sản (%)	16.4	17.2	17.8	17.4	17.0
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	0.71	0.76	0.81	0.75	0.70
Chỉ số TT hiện thời (lần)	2.10	2.03	2.04	2.04	2.05
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	2.09	2.06	2.03	1.93	1.82
EV/EBITDA ĐC (lần)	10.4	10.2	10.3	9.60	8.87
P/E (lần)	15.2	14.3	14.8	14.0	13.4
P/E ĐC (lần)	15.2	14.3	14.8	14.0	13.4
P/B (lần)	3.80	3.73	3.73	3.67	3.56
Lợi suất cổ tức (%)	6.68	7.55	7.55	7.55	7.55

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn